

MINH THỰC LỤC, MỘT NGUỒN SỬ LIỆU ĐÔNG NAM Á (Tiếp theo)^(*)

Geoff Wade

Người dịch: Trần Công Khanh

Người hiệu chú: Phạm Hoàng Quân

Lời dẫn: Bài viết dưới đây bằng Anh ngữ của Geoff Wade, Viện Nghiên cứu châu Á, Đại học quốc gia Singapore [SNU] là một nghiên cứu tổng quan về nguồn sử liệu Đông Nam Á [ĐNA] trong *Minh thực lục* [MTL]. Nghiên cứu của G. Wade nằm trong một chương trình chung khá dài hơi của SNU với mục tiêu chuyển dịch sang Anh ngữ toàn bộ các điều mục có liên quan đến ĐNA nằm rải rác trong 40.000 trang của bộ MTL. Gần hai phần ba trong các trích lục về ĐNA có liên quan trực tiếp đến lịch sử Việt Nam là lý do khiến chúng ta không thể không lưu ý hoặc hứng thú đối với công trình này. Trên tinh thần chung hiểu những vấn đề lịch sử khu vực dành cho số đông, chúng tôi mạn phép chuyển dịch bài nghiên cứu này sang Việt ngữ cùng với lòng trân trọng gửi đến tác giả - ông Geoff Wade.

Bản Việt ngữ do ký giả Trần Công Khanh dịch, tôi gia công hiệu đính và cho tên đối chiếu đối với một số danh từ riêng, cùng những chú thích cần thiết (trong ngoặc đơn và đặt ở phần chú thích bổ sung), các mở rộng ngắn gọn đi cùng với chính văn đặt trong ngoặc móc, các chú thích không có dấu ngoặc là của tác giả. Văn bản Anh ngữ nhan đề *The Ming Shi-lu as a source for Southeast Asian History*, từ nguồn: <http://epress.nus.edu.sg/msl>.
PHQ

2.5. Các đặc trưng của MTL như là một nguồn sử liệu

Vương Thế Trinh (Wang Shi-zhen) (王世貞), một học giả của thế kỷ 16, được ghi nhận là đã lưu ý: “Các sử quan không bị kèm chế và có tài che giấu sự thật; nhưng các bản tường niệm công trạng và văn bản luật họ ghi chép và các tư liệu họ sao chép không thể bị loại bỏ.”¹¹ Rồi khi phê phán một trong những phương pháp của sử quan, Vương Thế Trinh lưu ý đến một trong những đặc trưng chính của MTL - đó là một kho gồm nhiều tư liệu gốc từ các triều hoàng đế nhà Minh. Đó là một trong những yếu tố làm cho MTL như là một nguồn có giá trị - nó chứa đựng nhiều tư liệu và liên tục bị xóa bỏ khỏi các ghi chép chính thức súc tích muộn hơn, như bộ lịch sử chính thức về triều đại là *Minh sử*. Một nghiên cứu về các chức quan ở Đông Nam Á, chẳng hạn, có thể dựa vào MTL, nhưng không khả thi từ các tư liệu chứa đựng trong *Minh sử*.

Một trong những đặc trưng ngoại hạng nhất của thuật chép sử Trung Hoa, và MTL nói riêng, là sự chính xác của các biên niên. Những nhật ký hàng ngày và những ghi chép tại triều dựa vào đó MTL được soạn ra (cũng như bản thân MTL) tất cả đều được ghi ngày tháng theo phương pháp ghi lịch truyền thống bằng tên triều đại của Trung Hoa, năm và tháng triều đại. Nói chung, mỗi quyển (juan) của thực lục khác nhau bao gồm việc ghi

* Xem từ Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 1 (78). 2010.

chép một tháng đơn nhất. Mỗi tháng, các trích dẫn được ghi ngày theo hệ thống can-chi (干支) hoặc ví như “cành-và-nhánh”.¹² Do đó, các sự kiện được cố định trong một ngày đặc biệt, và các ngày như thế thường có thể tương quan với những nguồn khác. Việc soạn thực lục cho một triều đại nhất định được khởi đầu sau khi hoàng đế băng hà và vì vậy giai đoạn trôi qua giữa các sự kiện và việc ghi chép các sự kiện đó không lớn, hơn nữa còn làm giảm sai lạc về biên niên. Cho nên, các thực lục khác nhau đưa ra một cách ghi chép ở cấp độ hàng ngày chính xác về các sự kiện và có thể được dùng như là một tuyến dữ liệu biên niên để so sánh với các biên niên theo các truyền thống Đông Nam Á.

Những chi tiết tự ý thêm vào văn kiện do biên tập thỉnh thoảng xảy ra có nghĩa rằng có các trích dẫn tại các nơi chốn đối với các sự kiện xảy ra kế tiếp theo ngày tháng của từng vụ việc. Ví dụ, trong một trích dẫn năm 1427 về làm thế nào viên quan La Thông [Tri châu Thanh Hóa] ở Giao Chỉ /Jiao-zhi (Việt Nam) đã bảo vệ quận ông ta chống lại tướng Li Li (Lê Lợi), trích dẫn kết luận: “Khi Vương Thông bỏ Giao Chỉ, La Thông và những người khác trở lại kinh đô”.¹³ Đây đơn giản là một ghi chú biên tập để thông báo về số phận rốt cùng của La Thông.⁽⁷⁾ Một ví dụ khác có thể thấy vào năm 1445, sử quan ghi rằng triều đình đã ra lệnh cho Tư Cơ Phát của chính thể Tai Mao⁽⁸⁾ [bộ tộc Bách Di] ở Lộc Xuyên, người đang ở tại Mạnh Dường (Mogaung), phải đến kinh đô cùng với các đầu lĩnh của Mạnh Dường để nhận tội riêng của ông. Cuối văn bản, các sử quan chép thêm rằng Tư Cơ Phát và các thủ lĩnh Mạnh Dường đã không đến triều đình.¹⁴ Những ghi chép thêm như thế [của sử quan], được dùng để thông báo một sự chung cuộc hoặc để liên kết các trích dẫn, thường dễ dàng nhận thấy và thường không gây phát sinh các nghi ngờ về tính chính xác theo biên niên của các vụ việc. Có vẻ như có một số vấn đề về biên niên, nhưng hầu hết được giải thích dễ dàng. Nhiều sự việc có vẻ như không nhất quán có thể được gán cho chiều dài của thời gian thu thập thông tin truyền về từ các tỉnh cách trở như Vân Nam và Quảng Đông đến kinh đô, cũng như các cấp độ khác nhau về tính khẩn cấp gán cho những thông tin liên lạc như thế. Theo đó, ví dụ như, chúng ta thấy có việc bổ nhiệm Trình Tông/Cheng Zong như là điều phối viên lớn của Vân Nam được ghi vào ngày 18/11/1483, trong khi cái chết của người tiền nhiệm của ông là Ngô Thành/Wu Cheng lại được ghi vào ngày 9/12/1483.¹⁵ Một bản tường niệm công trạng từ Mộc Anh /Mu Ang ở Vân Nam kế tiếp sau này khai báo về cái chết của ông ta cũng có thể quy cho cùng nguyên do.¹⁶ Cũng vậy, mặc dầu cái chết của [Nam Ninh bá] Mao Thắng/Mao Sheng được ghi vào ngày 21/9/1458,¹⁷ một đề mục của ngày 29/1/1459 lại ghi rằng một báo cáo từ Thổ quan Tuyên phủ ty Nam Điện thuộc Vân Nam khẳng định Mao Thắng đã cưỡng chiếm ruộng đất ở vùng đất quanh trại Chiêu Biệt/Zhao-bie, và rằng, phản ứng lại, triều đình đã ra lệnh bắt giam ông.¹⁸

Franke liệt kê một số các phản đối của những sử quan truyền thống Trung Hoa đối với MTL,¹⁹ trong khi Ngô Hàm/Wu Han trích dẫn một số những lời giải thích khác về các nhược điểm khi dùng làm nguồn sử liệu.²⁰ Những than phiền cho rằng các nhà biên soạn các thực lục khác nhau đã

thiên lệch quá mức hoặc bị tác động bởi những người khác mà họ hay gặp, và trong một số trường hợp việc thiếu nguồn được dùng trong biên soạn cũng tạo ra những phê bình. Vương Thế Trinh (1526-90) bình như sau:

“Thuật chép sử quốc gia chưa bao giờ thất bại trong công việc đến một mức độ quá đáng như trong triều đại của chúng ta... Những ghi chép về lời nói và hành động bởi các nhà chép sử của Khởi cư chú đều thiếu. Do đó, [các nhà biên soạn thực lục] không có tài liệu gốc để họ có thể tin tưởng, cho nên họ không có một cơ sở để viết. Như những chuyện hổ thẹn của đất nước và những sai lầm của hoàng đế, có lý do để lảng tránh và họ không dám viết ra. Nhưng chuyện tội tệ hơn cả là tất cả những người được giao nhiệm vụ viết đều có những cảm tình và ác cảm cá nhân trong chuyện viết sử; do đó, ngay cả nếu có chất liệu đáng tin cậy và không có gì để lảng tránh, sử quan cũng không thích viết; thế nên nếu họ viết, ghi chép của nó không phù hợp với các dữ kiện.”²¹

Đầu triều Thanh, Từ Càn Học (徐乾學), một nhà biên soạn đứng đầu của bộ sử chính thức về triều đại là bộ *Minh sử*⁽⁹⁾ lưu ý:

“Trong MTL, những bộ của các triều Hồng Vũ (Hong-wu) và Vĩnh Lạc (Yong-le) hầu hết đều độc đoán và tóm lược. Đa phần những chuyện được chi tiết hóa nhất là chuyện của Hoàng Trị (Hong-zhi), nhưng cây bút lông của Tiêu Phương (Jiao Fang)⁽¹⁰⁾ trong khi phân bổ những lời tán tụng và phê bình trong nhiều trường hợp đã bóp méo những dữ kiện. Những chuyện cầu thả nhất là chuyện của Vạn Lịch, và không có lấy một câu nào trong các câu được viết ra bởi Cố Bình Khiêm⁽¹¹⁾ (Quan giám sát biên soạn *Thần Tông thực lục*) có thể được coi là thỏa đáng. Chỉ có [thực lục] về triều Gia Tĩnh là mạch lạc và rõ ràng trong cách trình bày, giữ được sự cân bằng giữa [miêu tả] chi tiết và tóm lược. Thực lục Nhân Tông, Tuyên Tông, Anh Tông và Hiến Tông vượt lên trên thực lục của Wen Huang (tức là Thái Tổ). Thực lục Vĩnh Lạc và Long Khánh dưới đẳng của thực lục Shi-miao (tức là Thế Tông).” Đó là một phán xét tổng quát về các thực lục của các triều đại kế tục.”²²

Một thiếu sót rất hiển nhiên của MTL, vốn ảnh hưởng đến công dụng của nó như là một nguồn sử liệu, là việc bỏ qua các ghi chép về triều của một trong những hoàng đế nhà Minh. Đó là một hậu quả, như đã nêu ở trên, trong xử sự Chu Đệ soán ngôi cháu mình, để trở thành Hoàng đế Vĩnh Lạc. Việc soán ngôi dẫn đến hậu quả không có thực lục chính thức cho triều đại thứ hai, và trong ghi chép của triều thứ nhất được hiệu chỉnh lại thêm hai lần sau lần biên soạn đầu tiên. Nghiên cứu cuối cùng về làm thế nào để ghi chép của hoàng đế Kiến Văn được nhập vào thực lục Thái Tông là của Vương Sùng Võ.²³ Những hiệu chỉnh như thế tác động ra sao đến các trích dẫn liên quan đến Đông Nam Á chứa đựng trong thực lục vẫn còn khó khăn để xác định. Tuy nhiên, dường như rằng cả trong biên soạn gốc của *Thái Tổ thực lục* hoặc các phiên bản hiệu chỉnh muộn hơn, phần lớn chuyện chiến công liên quan đến mối quan hệ Trung Hoa với Trảo Oa/Java và Tam Phật Tê/San-fo-qi (Zabaj) vào cuối thế kỷ 14, các chi tiết của những liên kết giữa hai chính thể này và cái gọi là âm mưu lật đổ của Tể tướng người Trung Hoa Hồ

Duy Dung, bị lược bỏ và bóp méo. Đối với các nghiên cứu về các trích dẫn còn lại, xem Wu Han và Wolters.²⁴

Các mối liên kết cá nhân, những sự ưu ái và những kẻ thù của các nhà biên soạn cũng rất ảnh hưởng đến việc hình thành các thực lục khác nhau. Như đã nêu trên, Tiêu Phương (焦芳) nổi tiếng vì đã biên soạn *Hiếu Tông thực lục* trên cơ sở của những thành kiến riêng của mình, trong khi Vương Sùng Vĩ, trong tiểu sử của Trương Phụ/Zhang Fu do ông soạn có trong *Tự điển tiểu sử triều Minh*,²⁵ ghi lại rằng việc không nêu vụ hành quyết Hoàng Trung/Huang Zhong bởi Trương Phụ trong *Thái Tông thực lục* là hậu quả từ việc dính líu của ông này trong biên soạn công trình. Trong tập đầu về triều Minh trong *Lịch sử Trung Hoa* của Cambridge,²⁶ Franke lưu ý:

“Việc biên soạn các thực lục là một công trình chính trị hơn là một bài luận chi tiết trong giới hàn lâm. Do vậy mà những đại thư lại giám sát việc biên soạn thường dính líu vào các mâu thuẫn chính trị trong triều hoàng đế trước, họ đương nhiên dễ dàng có những quan điểm cá nhân đưa vào văn bản trả giá cho các quan điểm đối lập. Hơn nữa, đôi khi họ có thể bày tỏ các quan điểm vùng hay phe phái. Vì vậy mà, MTL từng bị phê bình nghiêm khắc bởi những học giả ngay trong thời Minh vì các xu hướng chính trị của nó.”

Thực tế MTL chủ yếu là một ghi chép về các hoàng đế, triều đình và hành chính trung ương, điều đó xác định rằng nhiều chi tiết về các hoạt động ở các biên giới và bên kia biên giới hoặc là không được ghi chép hoặc là ghi chép rất sơ sài. Một báo cáo từ viên Tổng đốc Quảng Đông, Quảng Tây vào năm 1493 ghi nhận rằng một số lượng lớn các con tàu nước ngoài đã đến Quảng Đông để buôn bán bị phản đối bởi Bộ Lễ - cơ quan này cho rằng trong 5 năm trước chỉ có một phái đoàn đến từ Champa và một đến từ Siam.²⁷⁽¹²⁾ Rõ ràng, nhiều sự kiện và hoạt động xảy ra ở các biên giới với Đông Nam Á đã không được báo về cho triều đình, hoặc là do chúng không được coi là mối quan tâm đối với chính quyền trung ương, hoặc là do chúng đem lại lợi ích kinh tế cho quan lại địa phương, và cần phải giữ kín. Các ví dụ về những tình huống sau được thấy thường xuyên trong các báo cáo của thái giám gửi từ Vân Nam bị bóp méo vào đầu thế kỷ 15. Sự hạn chế này của các bộ thực lục, do hậu quả từ mối quan tâm ưu tiên dành cho trung ương do triều đình Trung Hoa tạo ra, đương nhiên là một đặc trưng được quan sát trong nhiều nguồn sử liệu.

Một đặc trưng nổi bật khác là một số tai nạn bị lược bỏ, hoặc hầu như lược bỏ trong MTL, vì chúng không phù hợp với mẫu “yêu cầu” của các sự kiện trong thuật chép sử Trung Hoa. Các lược bỏ này bao gồm, ví dụ như, những điều ô nhục của đất nước được Vương Thế Trinh nêu ở trên. Một điển hình thú vị về việc này là sự kiện được gọi là “Tai nạn Lâm Tiêu”. Vào ngày 13 tháng 7 âm lịch, năm thứ 18 triều Thành Hóa (28/7/1482), vụ việc được chép trong MTL rằng nhà Minh đã cử Lâm Tiêu, một quan lại Văn phòng giám sát tư pháp [Cấp sự trung], như là trưởng phái bộ, cùng với quan chức Văn phòng ngoại giao [Hành nhân] sứ thần Diêu Long làm phó sứ sang Siam phong vương cho “Quốc Long Bột Lạt Lược Khôn Túc Lạt Vưu Địa”

(Krung Phra Nakhon Sri Ayudhya) để trị vì đất nước này.²⁸ Trích dẫn đương nhiên là phải phù hợp với thế giới quan tinh hoa Trung Hoa vào thời mà triều đình “phong vương” cho các vua, các chính thể chung quanh, và các vị vua này kính cẩn nhận sự phong tước ấy. Không có gì nhiều hơn được ghi ngay sau đó về chuyến đi này và, cho rằng phái đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ và vị vua đã được ban tước vương, *Minh sử*, bộ sử về triều Minh được biên soạn vào thế kỷ 18, ghi chép trong mục Siam rằng Lâm Tiêu đã phong tước cho nhà vua vào thời gian đó. Tuy nhiên, trong ghi chép của MTL vào năm 1505, chúng ta đọc được một ghi nhận rất bí ẩn. Trong một cuộc tranh cãi diễn ra về phương pháp phù hợp mà theo đó được sử dụng để tiến hành với vua Champa, MTL chép rằng: “...Trong quá khứ, khi vị Cấp sự trung Lâm Tiêu đến Melaka như một sứ thần, [vị vua] từ chối quỳ gối quay mặt về phương bắc, [và Lâm Tiêu] bị giam lỏng, thức ăn được cung cấp rất ít và đã chết. Chúng ta không thể trừng phạt tội này vì cả sự tôn trọng các hoàng đế cũng như sĩ diện đất nước khó thể tránh khỏi bị tổn thương...”²⁹⁽¹³⁾ Cứ cho rằng Lâm Tiêu không được ghi chép là chưa bao giờ được cử đi Melaka, việc nêu về Melaka phải được xem là một trích dẫn sai lạc đối với Siam, một giả thuyết được khẳng định bởi tiểu sử của Lâm Tiêu được tìm thấy trong một địa chí địa phương. Trong *Gia Tĩnh Thái Bình huyện chí* [huyện chí Thái Bình soạn thời Gia Tĩnh] (太平縣志), ở phần tiểu sử “Các vị quan chính trực”, chúng ta đọc thấy:

“Lâm Tiêu [...] đã được cử đến Siam cùng một sứ bộ để phong vương và an ủi về cái chết của nhà vua [trước]. Vì Lâm Tiêu có nước da sáng và dáng vẻ đường bệ, nói bằng một giọng vang và âm rõ ràng, một loạt các tấm áo đệ nhất phẩm được đặc biệt ban cho ông và, cùng với sứ thần Diêu Long, ông sang phong vương cho người kế vị là Quốc Long Bột Lạt Lược Khôn Túc Lạt Vưu Địa. Đất nước này nằm ở phía tây nam Champa và cuộc du hành đến đó phải mất mười ngày đêm với điều kiện xuôi gió. Những con sóng cả và mọi người trên thuyền lấy làm sợ chuyến đi nguy hiểm. Lâm Tiêu nói: “Hoàng đế là trời. Các người phải sợ thất bại khi đem mệnh lệnh của ngài đi hơn là lo lắng về những nguy hiểm trong chuyến đi.” Khi họ tới được nước ấy, đã có một sự tranh cãi về cách tiếp kiến, các nghi thức đưa ra không phù hợp và Lâm Tiêu từ chối đọc bản thánh chỉ sắc phong. Rồi họ được chuyển đến các vùng phụ cận phía tây và được cung cấp lương thực ít ỏi. Vua Xiêm liên tục đòi hỏi sự khuất phục của Lâm Tiêu, nhưng ông từ chối. Con giận và sự bất bình khiến ông ngã bệnh và chết. Phó sứ Diêu Long sau đó tự xuống nước và được chiêu đãi yến tiệc cùng quà biếu giá trị. Trên đường về, các sự kiện được báo lại. Diêu Long bị bãi nhiệm và thiện cảm to lớn được dành cho Lâm Tiêu...”³⁰

Một cuốn địa chí sớm hơn của triều Gia Tĩnh, *Thái Bình chí* (太平志) niên đại 1540, có một ghi chép ngắn hơn về Lâm Tiêu trong phần “Những kẻ tuần tiết”. Ở đây giải thích về ghi chép bí hiểm trong trích dẫn MTL năm 1505. Việc loại bỏ các chi tiết này từ MTL là rất lộ liễu về hai phương diện. Một, nó khẳng định rằng các vị vua của các chính thể ở Đông Nam Á xem họ ngang hàng hoặc cao trọng hơn so với hoàng đế Trung Hoa và rằng thế giới quan Trung Hoa đôi khi là ảo giác hơn là phản ánh. Hai, nó nói với

chúng ta rằng thuật chép sử Trung Hoa của Minh triều rất miễn cưỡng khi ghi chép những điều vi phạm các “mẫu yêu cầu”, những điều không phù hợp với một vài thức nào đó, hoặc điều đó cho thấy quốc gia Trung Hoa bị xúc xiểm. Người ta vì vậy mà đương nhiên phải đặt câu hỏi MTL là một phản ánh các sự kiện đến cấp độ nào và ở cấp độ nào nó là một biểu đạt về ý thức hệ khoa trương của Trung Hoa trong trật tự thế giới.

Cũng có những trường hợp báo cáo láo gởi lên từ các quan tỉnh có trong MTL. Năm 1427, Trấn Viễn hầu Cố Hưng Tổ báo cáo rằng ông đã giết nhân vật người Việt tên Vi Vạn Hoàng. Tuy nhiên, ngay sau đó người ta phát hiện rằng nhân vật này còn sống.³¹⁽¹⁴⁾ Một chỗ khác, năm 1440, các báo cáo từ Vân Nam được ghi chép, cho rằng đã chiến thắng các lực lượng của thủ lĩnh Bách Di xứ Lộc Xuyên là Tư Nhậm Phát trong cuộc bao vây Trại Chương Ngạnh bởi Đào Tấn và những người khác ở Cảnh Đông (Kengtung).³² Muộn hơn, vào tháng 6/1441, các báo cáo khác nữa nhận được từ Cảnh Đông cho rằng các ghi chép về thành công hoàn toàn là bịa đặt.³³ Vào cuối thế kỷ 16, các báo cáo về thành công quân sự chống lại các lực lượng Ava-Burma [Miến Điện] do Lý Tài đệ trình lên triều đình được ghi lại trong MTL. Tuy nhiên, một tố cáo của thanh tra vùng Vân Nam năm 1588 cho rằng các báo cáo của Lý Tài là ngụy tạo để mong thăng quan tiến chức. Trường hợp nêu trên chỉ được biết là các ghi chép ngụy tạo hay không đầy đủ nhờ vào các báo cáo tiếp sau phát hiện chúng như thế. Người ta vẫn cứ còn ngạc nhiên làm sao mà nhiều ghi chép khác về biên giới là giả tưởng hoặc thiếu hụt, nhưng sau đó không được phát hiện y như vậy. Có nhiều trường hợp, hai phiên bản của cùng các sự kiện đệ trình bởi những người khác nhau được đưa vào MTL. Sau khi tướng Trung Hoa [Binh Bộ Thượng thư] Vương Ký⁽¹⁵⁾ báo cáo một thắng lợi lớn năm 1448 trong việc chống lại cuộc bao vây của thủ lĩnh Bách Di Tư Nhậm Phát và cuộc hành quân của các lực lượng ông ta ở Vân Nam,³⁴ triều đình nhận được một bản tường niệm công trạng vào năm 1449 từ Triển Anh, viên quan nhỏ tại trường Khổng Tử [Nho học] ở Tứ Xuyên, người cũng đã từng đi theo đoàn quân viễn chinh, bản tường niệm công trạng đưa ra một phiên bản khác về các sự kiện. Báo cáo này mô tả hành lý của Vương Ký đã phải cần đến 200-300 phu khuân như thế nào, các tướng lĩnh tìm cách trục lợi cá nhân từ các quan địa phương như thế nào, và trong thực tế Vương Ký bị Tư Nhậm Phát đánh bại ra làm sao. Triển cũng quả quyết rằng những tù binh được đưa về triều đình đơn giản là thường dân đánh cá trong vùng bị bắt.³⁵ Trong một số trường hợp, có nhiều báo cáo ngược ngạo đến nỗi sự chân xác của toàn bộ các phiên bản bị nghi ngờ. Những ghi chép khác nhau về những quan hệ giữa các chính thể của *Tai* Mạnh Mật (Mongmit), Mộc Bang (Hsenwi) và Mạnh Dưỡng (Mogaung), toàn bộ chính thể nằm ở nơi mà ngày nay là vùng phía bắc Miến Điện, trong suốt thập niên cuối của thế kỷ 15 là một điển hình cực tốt về lòng trung thành và lợi ích xung đột làm vụn vỡ các ghi chép gửi về triều đình nhà Minh và lần lượt được ghi trong MTL như thế nào. Các báo cáo khác nhau bởi những người tham gia khác nhau vào các sự kiện, Bộ Binh và những người kiểm duyệt khác nhau tạo ra nhiều phiên bản về các sự kiện, toàn bộ các phiên bản đó phải được xem lại với nhiều cẩn trọng.³⁶

Một trong những điển hình nổi trội nhất về những ghi chép biến động như thế nào theo thời gian, không gian, người thông tin và nhà làm sử và những mưu cầu khác của nhà nước Trung Hoa là phương cách mà MTL ghi chép lại sự bắt bớ và cái chết của vua Tai Tư Nhậm Phát xứ Lộc Xuyên (Mong Mao). Một trích dẫn có ngày tháng tương đương với ngày 14/1/1445 ghi rằng Tư Nhậm Phát đã bị bắt và bị người Miến Điện giao nộp cho Thiên hộ Vương Chính của Trung Hoa, nhưng Tư Nhậm Phát đã tuyệt thực và Vương Chính e ngại ông sẽ chết nên đã hành quyết ông ta và gửi thủ cấp về đế đô.³⁷ Sau này, theo các lệnh của hoàng đế gửi cho Tư Nhậm Phát, người con của Tư Nhậm Phát, ngày tháng ghi tương đương với ngày 14/8/1446, người ta thấy ghi rằng: *“Phụ thân của ngài đã bị dân Miến Điện chặt đầu, và đầu của ông được đưa đến triều đình.”*³⁸ Tiếp sau đó, trong một ghi chép đề ngày 5/10/1446, Vân Nam đã thỉnh thị triều đình về việc Hãn Cái Pháp của xứ Mộc Bang (Hsenwi) đã đem vàng và đất tới Miến Điện để đổi lấy Tư Nhậm Phát, rồi chặt đầu ông và gửi cho các lực lượng Trung Hoa.³⁹ Một tuyên cáo muộn hơn bởi nhà vua xứ Miến Điện vào năm 1479 cho rằng *“Ta/chúng ta đã bắt được Tư Nhậm Phát và vợ con ông ta và giao nộp họ”*.⁴⁰

Đa phần việc hiệu đính và mơ hồ này trong các ghi chép của người Trung Hoa dường như xuất phát từ thực tế là triều đình nhà Minh đã hứa giao đất Lộc Xuyên cho bất kỳ ai bắt sống và giao nộp Tư Nhậm Phát. Nhà đương cục Trung Hoa sử dụng các hứa hẹn như thế thường xuyên như là biện pháp xúi giục các chính thể hành động theo chiều hướng nào đó, và sự nuốt lời sau đó phải được hợp thức hóa trong việc chép sử. Do đó, việc tạo ra hai phiên bản muộn hơn bảo rằng Tư Nhậm Phát bị chặt đầu khi thì bởi người Miến Điện, khi thì bởi người Mộc Bang, thay vì là bắt sống. Sự nuốt lời như thế phải là một nguyên do dẫn đến việc động binh của người Mộc Bang và Năng Hãn Lộng, nữ chúa xứ Mạnh Mật (Mongmit) trong nửa sau thế kỷ 15. Nói một cách nào đó, việc ghi chép các phần sử biến động như đã nêu có thể xem như là một lợi ích hơn là một thiếu sót của MTL nếu xem đó là một nguồn sử liệu, vì nó cho phép nhìn thấy một số động cơ và cơ chế đằng sau các hành động và việc ghi chép các sự kiện được quan sát (dẫu rằng mập mờ), đó là cái ngăn trở việc có những ghi chép đơn nhất, nhất thể như là một trong những chuẩn mực của sử nhà Minh.

Những sai lạc hiển nhiên cũng được thấy trong MTL. Vào năm 1450, sử chép rằng con trai của Dao Tuyển Ngạt, người giám sát hòa ước của Lào đã qua đời, Hoàng tử Phạ Nhã Trại, kế vị ngai vàng của cha mình,⁴¹ trong khi một tháng sau [Dao] Phạ Nhã Trại được ghi là người giám sát hòa ước quân sự và dân sự của Bát Bách Đại Điện (Lan Na).⁴² Cái trích dẫn thứ hai rõ ràng là sai lạc trong các thông tri cả trước và sau cho rằng Dao Zhao Mạnh Liên là người giám sát hòa ước Bát Bách Đại Điện. Cũng vậy, các trích dẫn cho rằng Dao Tiêm Đáp (刀遲答) vào năm 1428⁴³ và năm 1431⁴⁴ là vua xứ Lào là những trích dẫn sai lạc đối với Dao Tuyển Ngạt (刀線歹). Dao Tiêm Đáp thực ra là vua xứ Xa Lý (Sipsong Panna), vào một giai đoạn sớm hơn trong thế kỷ 15. Những sai lạc như thế dường như lọt sổ được do sự xalạ của các nhà chép sử MTL đối với cả người lẫn việc được ghi lại.

3. Bối cảnh của việc biên soạn MTL

Tất cả lịch sử được viết ra trong các ước thúc xuất phát từ các điều kiện ý thức, xã hội và chính trị đương thời. Các xã hội trong đó các thực lục khác nhau của triều Minh được biên soạn chắc chắn khác nhau theo thời gian, với nước Trung Hoa thế kỷ 17 liên kết thế giới nhiều hơn là nước Trung Hoa thế kỷ 14 trong nhiều khía cạnh. Tuy nhiên có nhiều phương diện đặc biệt trong luận điểm của giới tinh hoa Trung Hoa cho thấy một số ý thức trong mối quan hệ của Trung Hoa với những nền văn hóa và những quốc gia ngoài Trung Hoa dường như không có thay đổi lớn trong giai đoạn đó. Chính các phương diện đó có thể được nhận ra trên cái nền luận điểm của thế giới quan trong giới tinh hoa Trung Hoa xuyên suốt các trích dẫn MTL, và chính là trong các giới hạn của luận điểm này mà các sự việc biên giới/đối ngoại được biên soạn trong các bộ thực lục khác nhau. Biến số quan trọng khác xác định nội dung của việc chép chính sử có liên quan đến Đông Nam Á dưới thời Minh đương nhiên là những chính sách đặc biệt mà nước Trung Hoa đeo đuổi trong giai đoạn đó. Các chính sách này, thường lộ liễu ở sự thay đổi những vai trò và mục tiêu của luận điểm thế giới quan Trung Hoa, rõ ràng tác động lớn đến việc ghi chép các mối quan hệ giữa nước Trung Hoa và các chính thể lân cận. Các chính sách nhà nước triều Minh đeo đuổi đối với vùng mà chúng ta biết đến hiện nay như là Đông Nam Á sẽ là chủ đề của một chuyên khảo trong tương lai. Ở đây, chỉ đơn giản là giới thiệu một cái nhìn tổng quan sơ lược về thế giới quan Trung Hoa và luận điểm đi kèm theo nó và luận điểm đó tác động như thế nào đến cái được chép lại trong MTL.

Luận điểm này, cái trang trí cho quá nhiều trích dẫn về Đông Nam Á trong MTL, trong nhiều trường hợp được kế thừa từ một truyền thống luận điểm đã có từ lâu, trải dài lên tận thời nhà Chu (Zhou), thời mà nhà nước Trung Hoa thường mô tả là tiêu biểu cho các mối quan hệ giữa chính họ và những nước lân cận với nhiều cấp độ khác nhau (cả về địa lý lẫn văn hóa) đối với trung ương. Các phương diện của truyền thống này sẽ được khảo sát theo sau.

3.1. Hoàng đế/Nhà nước Trung Hoa

Trong luận điểm của thế giới quan tinh hoa Trung Hoa, hoàng đế Trung Hoa, ngoại trừ việc thế thiên trị vì như là thiên tử (thiên mệnh 天命) và do đó là hiện thân của sự chính trực, công bằng và nhân đạo, còn là một thể chế chính thống. Hoàng đế Vĩnh Lạc, ghi vào năm 1405 rằng “Ta biểu thị cho tình yêu của Thượng Đế (上帝) đối với mọi sinh linh”. Quan điểm này được lập lại cũng bằng những từ ấy vào 150 năm sau bởi Hoàng đế Gia Tĩnh.⁴⁵ Căn nguyên của ý thức cho rằng một tình yêu dành cho mọi sinh linh là một yếu tố bản chất của bất kỳ nhân vương nào có mãi từ thời Shu Jing cổ đại (Kinh Thư). Cũng thế, đáp trả các hành động của các vua Việt Nam, Hoàng đế Vĩnh Lạc khẳng định “sự nhân đạo và chính trực sẽ không tha thứ cho các hành động như thế”.⁴⁶ Ở đây MTL xếp hoàng đế/triều đình vừa là người sở hữu vừa là người phán xử các giá trị đó. Đó là những tuyên bố thuận theo đạo đức cũng như những tuyên bố được sử dụng

bởi chính quyền Trung Hoa để hợp thức hóa cuộc xâm lược Việt Nam năm 1406 của nhà Minh.

Không tính đến những tuyên bố trực tiếp của hoàng đế đối với các phẩm chất đó, các trích dẫn MTL nhắc đến nhiều ví dụ về các quyết định hoặc hành động nhấn mạnh đến sự độ lượng của hoàng đế/triều đình. Thường những lời nói/hành động của hoàng đế trái ngược hoặc gần với những đề xuất không khoan nhượng hoặc lỗ mắng hơn của các quan hàng bộ, là nhằm để đánh bóng hình ảnh của lòng độ lượng hiển nhiên. Vào năm 1404, khi quan Thượng thư Bộ Lễ đề xuất giữ lại ba toán quân Campuchia do vua Campuchia gửi đến để thay thế ba người lính Trung Hoa được cử đi sứ sang Campuchia, ý kiến hoàng đế được ghi lại như sau: *"Bọn họ đều có gia đình và sẽ hạnh phúc hơn khi được ở quê nhà... là đáng trị vì, ta phải đoái hoài đến thần dân bằng sự nhân hậu của trời và đất."*⁴⁷ Vào năm 1406, khi vua xứ Xa Lý (chính thể Tai của Chiang Hung) gửi con mình đến triều đình làm con tin, hoàng đế được ghi lại là đã trả người con ấy về nước, khuyên ông giữ tròn đạo hiếu, đạo trung với triều đình và quan tâm đến thần dân.⁴⁸ Vào năm 1408, trước sự thúc giục tiếp theo của quan Thượng thư Bộ Lễ, rằng không nhận được cống lễ của Mạnh Cán (Kengtung) do họ "xảo trá", hoàng đế được ghi lại đã trả lời như sau: *"Khi man di có thể hối hận và quay lại với triều đình, quả thực triều đình vẫn vui lòng. Những việc trước đó không đủ để đưa ra sự trừng trị nghiêm khắc."*⁴⁹ Những vị hoàng đế kế tiếp nhau được miêu tả như là thấm đẫm trong sự độ lượng. Năm 1438, Hoàng đế Chính Thống (Zheng-tong) đáp trả lại một thỉnh cầu của quan Đại vệ Vân Nam về việc gửi một đạo quân đến chống lại Tư Nhậm Phát của xứ Lộc Xuyên - Bình Miến (Mong Mao), tuyên bố: *"Ta sẽ không thể tránh được làm hại đến người vô tội. Cũng thế, lòng ta không chịu được khi bắt binh lính phải xa cha mẹ, vợ con..."*⁵⁰. Có thật nhiều trích dẫn tương tự xuyên suốt các bộ thực lục khác nhau, công bố lập đi lập lại về sự độ lượng của hoàng đế như thế nào và, nói rộng ra là sự độ lượng của chính đất nước.

Được coi như là sự nhân hóa của đất nước, các hoàng đế rõ ràng được mô tả trong MTL, và trong sử sách Trung Hoa nói chung, như là những kẻ yêu chuộng hòa bình. Do đó, khi được đề xuất về của cải thu được ở Việt Nam bởi các lực lượng xâm lược vào năm 1408, Hoàng đế Vĩnh Lạc phê phán sự gợi ý về việc kiểm soát từ cuộc viễn chinh, và đưa ra các lời khuyên: *"Ta là chúa tể muôn dân thiên hạ. Tại sao ta lại làm cái lễ thói hiếu chiến nhằm thu giữ đất và người? Mỗi bận tâm của ta là những băng đảng nổi loạn không thể không bị trừng phạt và sự đau khổ của người dân lành không thể không được giúp đỡ."*⁵¹⁽¹⁶⁾ Thật thú vị khi đối chiếu với cái có do Hoàng đế Tuyên Đức đưa ra khi quân Trung Hoa rút cuộc bị đuổi ra khỏi Việt Nam vào những năm 1420. Ông lưu ý rằng ông rút quân vì: *"Trời bày tỏ lòng độ lượng tối thượng và sự thuận theo nguyện vọng của người dân. Hoàng thượng thay trời và trị vì thuận theo nguyện vọng của người dân"*.⁵²⁽¹⁷⁾ Điều này biến thành truyền thuyết là vào năm 1540, Hoàng đế Gia Tĩnh cho rằng việc quân binh của Hoàng đế Vĩnh Lạc tấn công An Nam vào đầu thế kỷ 15 đã *"giúp cho dân Giao châu thoát khỏi cảnh nước sôi lửa bỏng và việc rút quân là do Tuyên Đức tỏ lòng thương xót đối với dân Giao"*

nên quyết định không trừng phạt [Lê Lợi].”⁵³⁽¹⁸⁾ Thế nên, các hoàng đế triều Minh, không nói đến việc họ xâm lược hay rút lui, chủ động để bị buộc phải hành động, họ luôn luôn bày tỏ lòng độ lượng và mối quan hoài. Nắm quyền trị vì cũng có nghĩa rằng mọi quyết định đưa ra đều đúng, vì “Trời là luật và không ai được phạm luật ấy. Đạo trời là chí công và tối đúng dẫn đến độ nhỏ nhất.”⁵⁴

Là hiện thân của trời và đại diện cho Thượng Đế (上帝), các hoàng đế cũng có sự nối kết giữa thiên giới và linh giới và do đó, không kể được coi như thần linh, các ông cũng là người đem lại phúc đức. Điều này phản ánh trong MTL bằng lời của chính những người Hoa và, còn được hợp thức hóa và xác định hơn nữa qua các bản tượng niệm công trạng nổi tiếng ở hải ngoại. Ma-na-re-jia-na-nai, vua xứ Bo-ni [Bột Ni], được cho là đã đưa ra lời tán dương như sau trong một bản tượng niệm công trạng đối với triều đình năm 1408:

“... Xứ của tôi là một đảo xa trong đại dương, nhưng tôi nhận được ân sủng của hoàng đế và được phong vương. Kể từ đó, ở xứ tôi, mưa nắng thuận hòa, nhiều năm liền mùa màng dồi dào và dân chúng không bị họa tai. Trên núi dưới sông, các kho tàng quý đã được tìm thấy, cỏ cây chim muông đầy đầy. Những người già trong nước nói rằng tất cả là nhờ ân đức của hoàng thượng.”⁵⁵

Lại nữa, vào năm 1416, vua Cochinchina đưa ra những ghi nhận sau đây trong một bản tượng niệm công trạng:

“Nhiều năm qua, đất đai trong nước phì nhiêu và người dân đã có nhà để ở, đủ cá và rùa để ăn và đủ vải để mặc. Cha mẹ trông coi con cái và người trẻ kính trọng người già trong gia đình. Mọi sự đều phong phú và vui thú... Tất cả cần đến kết quả của các ảnh hưởng được văn minh hóa của sự khôn ngoan.”⁵⁶

Sự giống nhau rõ ràng của các bản tượng niệm công trạng như thế gợi ý rằng chúng được viết nên bởi các nhà biên soạn người Hoa theo một kiểu mẫu đặc trưng và nhằm phản ánh vai trò của hoàng đế, và xa hơn, nước Trung Hoa như là một nước mang lại ân phúc. Hoàng đế Trung Hoa cũng được miêu tả là không thiên vị trong ứng xử với mọi người. Hoàng đế Vĩnh Lạc thừa nhận: “*Ta không phân biệt giữa người này và người kia,*”⁵⁷ trong khi Hoàng đế Tuyên Đức cho biết: “*Sở thích của ta là đối xử công bằng với mọi người*” và khẳng định rằng: “*Đối với mọi thứ ta bảo bọc, ta cố gắng đem lại thịnh vượng và an bình.*”⁵⁸ Ý thức đối xử công bằng với mọi người (一視同仁 - nhất thị đồng nhân) là một định đề bất biến trong hành động của hoàng đế xuyên suốt MTL. Các ví dụ có thể thấy vào các năm 1431, 1436, 1443, 1446 và 1460.⁵⁹

Trong một sự mở rộng các quan hệ kiểu gia đình, vị hoàng thượng trong xã hội truyền thống Trung Hoa được miêu tả: đối xử với người dân cả trong và ngoài đất nước như một người cha đối xử với các con mình. Hoàng đế Gia Tĩnh (trị vì từ 1522-1566) khuyên vua xứ An Nam vào những năm 1540: “*Ta là hoàng đế và đối xử với bần dân thiên hạ như là trong gia đình*

mình.”⁶⁰ Hoàng đế Thành Hóa (Cheng-hua) (trị vì từ 1465-1487) cũng tuyên bố xem người dân như là con mình.⁶¹ Hình ảnh này được biểu đạt súc tích trong một bản tường niệm công trạng được cho là do Chen Hao (Trần Cảo) và Lê Lợi (Li Li) của Đại Việt dâng lên cho Tuyên Đức Hoàng đế vào năm 1427. Một phần trong đó đọc thấy:

“...Chúng thần khiêm cung ghi nhận, tuy rằng thiên địa, trong sự đối xử với vạn vật, có thể bày tỏ cơn giận bằng sấm chớp, ý muốn bản chất bất biến của thiên địa là nuôi dưỡng cuộc sống. Tuy rằng cha mẹ, trong sự đối xử với con cái, đôi khi giáo huấn chúng bằng gậy cũng chỉ muốn chúng nên người. Khi con người chịu đau khổ, không ai vì thế mà phiên trách trời hay cha mẹ mình. Do đó, bày tội của ngài phải thốt nên những lời tha thiết nhất bày tỏ nỗi thương tiếc của mình và cầu phúc cho triều đình.”⁶²⁽¹⁹⁾

Ý thức tiềm tàng về hoàng đế/triều đình như là cha mẹ dân của những vùng đất ngoại biên chứng tỏ rằng bản tường niệm công trạng hoặc là do tác giả người Việt soạn thảo phù hợp với luận điểm Trung Hoa về khía cạnh này, hoặc “định chế hóa” theo tiêu chuẩn của tục lệ triều đình bởi những nhà biên sử MTL. Năm 1429, Hoàng đế Tuyên Đức được ghi chép là đã xác định nhiệm vụ của ông như sau: “*Ta phụng sự trời bằng cách đối xử với dân như là con mình. Trên vạn quốc gồm trong bốn biển, ta cố gắng tạo sự thịnh vượng và phong phú*”.⁶³ Ngoài ra, cũng như người cha lý tưởng, Hoàng đế Chính Thống (trị vì từ 1436-1449) được ghi lại đã quả quyết: “*Triều đình không đoán trước được sự gian dối và không thể trừng phạt người*.”⁶⁴ Một nhiệm vụ quan trọng mà MTL gán cho nhiệm vụ hoàng đế là sự bảo toàn trật tự và duy trì an bình. Điều đó được đặt ra rất rõ ràng trong *Thái Tông thực lục*, ở đó các mệnh lệnh hoàng đế được gửi cho Ava-Burma vào năm 1405 ghi rằng: “*Khi một hoàng đế nhận được sắc phong trở thành chúa tể của muôn loài thiên hạ, hoàng đế ấy phải minh bạch trong các luật lệ và mệnh lệnh của mình và phải luôn nghĩ rằng mình phải làm sao để kẻ mạnh không được ức hiếp kẻ yếu, số đông không phiên nhiều số ít và mọi người đều được an bình trong cuộc sống*.”⁶⁵

Mười năm trước, khi chinh phạt Tư Nhậm Phát của chính thể Lộc Xuyên - Bình Miến, Hoàng đế Thái Tổ (trị vì từ 1368-1398) lấy làm lo âu khi mô tả những hành động quân sự của ông chống lại Vân Nam như thế nào trong thực tế là kết quả từ lòng độ lượng và mối quan tâm của ông đối với hòa bình:

“*Trung Hoa bị vây bọc bởi di bốn hướng và đất của Trung Hoa tiếp giáp với lãnh thổ của các thủ lĩnh và tù trưởng. Tuy nhiên, ta không bao giờ nắm lấy lợi thế sức mạnh của mình để áp bức họ, bắt nạt họ hoặc tiêu diệt họ. Đất Vân Nam đã là của ta. Có vẻ như nó được chiếm lấy bằng sức mạnh. Không phải vậy đâu. Liang vương, cháu của Hoàng đế Nguyên Thế Tổ, tuyên bố rằng ông là hậu duệ của triều Nguyên, đã che chở các tội phạm, tiếp nhận những kẻ lánh nạn của ta và dụ dỗ lính biên cương của ta bỏ ngũ. Do đó không có cách nào khác ngoài việc gọi quân chinh phạt ông ta*.”⁶⁶

Năm 1414, mệnh lệnh của nhà Minh gửi đến Campuchia và Champa

“buộc” họ ngưng chiến, lo việc riêng của mình và phát triển quan hệ hữu nghị.⁶⁷ Chúng ta cũng đọc được, năm 1431, Melaka than phiền với triều đình rằng Xiêm gây trở ngại cho họ, và hoàng đế theo đó đã chỉ thị gởi các chỉ dụ của mình cho vua Xiêm yêu cầu họ lo giữ nước của mình và duy trì mối quan hệ hữu hảo với các nước láng giềng.⁶⁸ Lại nữa, vào năm 1472, sau khi Đại Việt tấn công tàn sát thủ đô Vijaya, hoàng đế lệnh cho An Nam (Đại Việt) trả lại tù binh mà họ bắt giữ và không được xâm lấn Champa nữa.⁶⁹⁽²⁰⁾ Mối quan tâm ấy được khuếch lên cực đại trong *Thái Tông thực lục*, với tuyên bố của hoàng đế được ghi lại: “*Ngay cả một người mất chỗ ở của mình, ta cũng không thấy vui*”.⁷⁰

Theo kiểu mẫu đó, ngoài ra, hoàng đế còn được trời giao nhiệm vụ gìn giữ hòa bình, như có thể thấy trong ví dụ vào năm 1411, khi sử chép rằng các lực lượng của Trịnh Hòa đã bắt về Trung Hoa vua xứ Sri Lanka. Về vị vua này, sử ghi: “Trời không ưa sự độc ác của ông ta và giúp bắt được ông ta”.⁷¹ Sự phát biểu rõ ràng về vai trò gìn giữ hòa bình ngày càng trở nên hiếm trong các thực lục muộn hơn, nhưng ý thức đôi khi vẫn được biểu lộ. Tiếp theo sau vụ người Bồ Đào Nha xâm chiếm Melaka [Malacca, Mã Lục Giáp, thủ phủ của châu tự trị Malacca, thuộc Malaysia] vào thế kỷ 16, triều Minh lệnh rằng Bồ Đào Nha phải trả Melaka về lại với lãnh thổ và rằng “Xiêm và các di khác cần được giáo dục cho biết sự đúng đắn của việc giúp đỡ những nước đang lâm nguy và bày tỏ thiện cảm với các nước láng giềng”.⁷²

Các nỗ lực gìn giữ nguyên trạng tuy vậy không phải là bất chấp đến an ninh Trung Hoa. Do đó, thay vì tiếp tục từ chối thừa nhận sự nổi dậy của nhà Mạc tại An Nam, phe đã nắm quyền kiểm soát phần lớn chính thể này vào thế kỷ 16, hoàng đế Trung Hoa chủ động bình thường hóa quan hệ khi, vào dịp dâng tôn hiệu cho ông mình, Hoàng đế Gia Tĩnh ghi nhận: “*An Nam cũng được bảo bọc bởi trời. Chúng ta không được thất bại trong việc gởi sứ đến báo tin cho họ chỉ vì họ chống đối trong các năm gần đây*”.⁷³

Để làm tròn vai trò gìn giữ hòa bình, hoàng đế/triều đình và các quan của họ cũng phải là những người độ lượng gieo rắc nỗi sợ hãi. Ghi chép trong MTL nhấn mạnh đến khía cạnh: nỗi sợ hãi được cho là của những thủ lĩnh cứng đầu hoặc bị trừng phạt. Một trích dẫn vào năm 1411 ghi rằng Năng Quang, vua xứ Trấn Khang, một chính thể Tai ở Vân Nam, người đã cản trở các sứ bộ do triều đình cử đến, được ban các lệnh của hoàng đế trừng phạt ông ta. “*Năng Quang kính hoàng nên gởi người đến triều đình để khẩn xin sự tha thứ tội lỗi của mình*”.⁷⁴ Năm 1454, khi Tả Tham tướng Hồ Chí ở Vân Nam triển khai lực lượng “bình định và dạy dỗ” Tư Lạc Phát và Dao Ban-fang [?] của Mộc Bang, “ông giáo huấn họ rằng mình là kẻ có thể mang lại tai họa và sự thịnh vượng. Tư Lạc Phát và Dao Ban-fang [?] lấy làm kinh hãi”.⁷⁵ Tư Bốc Phát của xứ Mạnh Dưỡng được ghi lại là đã quả quyết với hoàng đế năm 1456: “Tôi không dám hành động giống cha hoặc anh tôi, và giữ lòng kính sợ trước lề luật của triều đình”.⁷⁶ Không kể là Tư Bốc Phát thực sự viết những lời như thế hoặc chúng được sáng tác bởi các nhà biên niên của triều đình, trong cả hai trường hợp, chúng đều phục vụ cho nhu cầu

của triều đình nhằm mô tả nó như là một nơi gieo rắc nỗi sợ hãi.

Các hoàng đế Trung Hoa cũng được ghi chép như là sự biểu lộ cái đức (*de* 德) tới một mức độ phù hợp với vị trí cao quý của họ. Năm 1427, bắt chước các lực lượng Trung Hoa đã bị đánh bại tại Việt Nam và buộc phải tháo chạy, Tuyên Đức Hoàng đế mô tả các sự kiện như sau: *“Trong việc sắp xếp lại một phòng tuyến bị tan vỡ, hoàng đế đang hoàn thành những ước vọng của tổ tiên mình, để cho quân đội an nghỉ và đem lại bình an cho muôn dân. Với cái đức bao trùm cả hoàn vũ, ta đặc biệt đưa ra tuyên ngôn này phù hợp với mối bận tâm to lớn của ta.”*⁷⁷ Khái niệm của nhà Minh về quyền lực hoàng đế và vai trò của hoàng đế được nhân lên đến độ “cakkavati” hoặc “người cai trị thế giới” như được thấy trong các chính thể Đông Nam Á. Khi Tambiah nói về “cakkavati” nguyên mẫu là “miễn cưỡng thừa nhận các biên giới địa lý về chủ quyền” và ghi nhận “bổn phận của người cai trị thế giới trong việc giám sát cái đức và sự chính thống về tôn giáo của chư hầu, đồng thời giữ gìn các vua được sắc phong trên ngai vàng của họ”,⁷⁸ cũng như chúng ta đọc về các hoàng đế nhà Minh và chính sách của họ đối với vùng biên giới phía nam. Các quan thượng thư Trung Hoa, với tư cách là đại diện cho nền văn hóa trung ương, cũng thường được MTL miêu tả như là thâm hiểm tính chính trực. Do đó, khi người Việt Nam, trong chiến dịch thoát ly khỏi các lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa vào đầu thế kỷ 15, đã chiếm giữ quận Lạng Giang (Liang River), các nhà chép MTL đã cảm thấy bị ép buộc khi chép rằng “các đạo quân và dân trong thành đều bị tiêu diệt và không ai đầu hàng. Quan Tri phủ Lưu Tử Phụ, như là một mẫu mực, cũng tuyên bố: Khi quận mất, ta cũng chết. Sự chính trực không thể bị hoen ố.”⁷⁹ Chi tiết về việc người Việt Nam bắt giữ Hà Trung, một quan chức trung thành khác của nhà Minh, được ghi chép trong cùng văn bản đã nêu ở trên: “Trung nhìn thẳng vào bọn giặc với đôi mắt sáng rực: ‘Ta là mệnh quan của thiên triều. Chỉ có nước là chặt đầu bọn người và mang về phục mệnh triều đình! Làm sao ta có thể theo hùa với sự nổi loạn của bọn người để toàn mạng!’ Ông ta liên tục nguyên rửa bọn họ.” Một quan chức thứ ba của nhà Minh, Chu An, cũng bị người Việt Nam bắt, và như MTL cho ta biết, thét vào mặt bọn bắt giữ ông: “Ta là mệnh quan của Thiên triều. Làm thế nào ta có thể chết bởi tay bọn giặc!” Nói rồi ông ta tự sát.⁽²¹⁾ Ở đây thì chúng ta thấy những kết cục nhuần đạo đức đem đến một góc độ tích cực cho các sự kiện, một công cụ được sử dụng để vừa đánh bóng niềm kiêu hãnh Trung Hoa lẫn với việc lôi kéo sự chú ý khỏi bản chất của vụ việc, rằng Trung Hoa đã chịu một thất bại quân sự. Có thể thấy sự tương tự trong một văn bản MTL khác về sự thua trận có tính quyết định đối với Trung Hoa tại Ninh Kiều trước quân Việt Nam trong cùng một giai đoạn, nơi được sử ghi nhận về viên quan Trung Hoa Trần Hiệp như sau: “Ông ta bị bắt nhưng không khuất phục và ông đã chết trong lúc tiếp tục mắng thét bọn giặc.”⁸⁰⁽²²⁾ Yếu tố này trong thuật chép sử Trung Hoa khá là cổ xưa so với lúc đó. Backus cũng chỉ ra sự giống nhau trong các ghi chép khác nhau của Trung Hoa, về sự tự sát đầy chính khí của các nhân vật Trung Hoa bị bắt bởi quân Tây Tạng vào thế kỷ thứ 8, và sự tự sát của những kẻ bị bắt bởi quân Nan-zhao vào thế kỷ thứ 9. Ông kết luận: “Rõ ràng đây là những ví dụ

về góc độ khác của luận điểm chép sử về vùng biên cương Trung Hoa. Chúng mang tính biểu tượng hơn là giá trị thực sự.”⁸¹ Tôi cảm nhận rằng một cách đọc chi tiết về MTL, và những đối chiếu với các tác phẩm sớm hơn và muộn hơn sẽ nhận ra rằng quan sát của Backus có thể áp dụng cho một phổ rộng hơn các yếu tố trong thuật chép sử biên cương của Trung Hoa. Đạo đức hóa các tấm gương tiêu cực cũng được tìm thấy trong các văn bản. Một trích dẫn vào năm 1428, và lần nữa liên quan đến Giao Chỉ (Đại Việt), ghi nhận rằng Việt Nam đã bắt viên quan Trung Hoa Thái Phúc và dùng ông ta để yêu cầu quan quân Trung Hoa khác đầu hàng. Như có thể đoán trước, chúng ta đọc được một viên quan nghĩa khí Lý Nhậm [Nhiệm] thét từ trên tường thành xuống với Thái Phúc: “Ông là một đại quan, ông không thể giết giặc và thay vì vậy bị giặc lợi dụng. Ông không bằng một con heo hay một con chó.”⁸²⁽²³⁾

Sự cần thiết để giữ thể diện quốc gia hoặc những hình ảnh chính đáng nổi trội trong luận điểm tường thuật và các hành động ghi chép trong MTL. Năm 1440, tiếp theo thất bại của quân Trung Hoa trước chính thể Tai Mao ở Lộc Xuyên năm 1439, mối quan tâm của hoàng đế về “sự tủi nhục đem lại cho đất nước và sự hủy hoại đế quyền” đã được bày tỏ.⁸³ Năm 1457, các sứ thần Xiêm từ Bắc Kinh trở về mua trẻ con từ các nông dân chết đói ở Sơn Đông đem về làm đầy tớ bên Xiêm. Các quan chức thỉnh nguyện: “Đấy không chỉ là nền tảng vô luân, mà sự việc còn đưa đến hậu quả là họ (dân Xiêm) cười nhạo Trung Hoa.” Nhờ vậy mà trẻ em được chuộc lại và trả về cho cha mẹ chúng.⁸⁴ Cũng lý do này được đưa ra để chuộc trẻ em trong một trường hợp tương tự vào năm 1481.⁸⁵ Các nhà quan sát lịch sử Trung Hoa suốt thế kỷ 20 sẽ nhận thức rõ hơn về vai trò to lớn như thế nào đối với khái niệm “quốc thể” và “khôi phục danh dự” được duy trì trong luận điểm và hành động Trung Hoa hiện đại.

MTL cũng chứa đựng nhiều trích dẫn về các sứ thần Trung Hoa trả lại quà cáp biểu xén họ bởi các vua ngoại bang, như là một cách để chứng tỏ rằng sự liêm khiết và sự ưu việt văn hóa của người Trung Hoa. Đạo đức tương tự cũng gợi ra bởi một ghi chép vụ việc vào năm 1396: Tư Luân Phát của chính thể Tai xứ Lộc Xuyên - Bình Miến yêu cầu các sứ thần Trung Hoa đến đó ở lại và phụng sự ông ta, và rồi có các ghi chép về sự từ chối thẳng thắn trước lời đề xuất ấy.⁸⁶

Trong MTL, việc ghi chép lịch sử luôn luôn nêu ra như là một cách hợp thức hóa, hoặc một nền tảng, đối với một số hành động. Năm 1448, trong một thông cáo, triều đình nhắc đến những hành động của Mã Viện và Gia Cát Lượng cả ngàn năm hoặc hơn trước đó trong việc đại phá quân ngoại bang như là một bằng chứng rằng nước Trung Hoa khá có khả năng nghiên nát quân di ương buống khi thực sự cần thiết.⁸⁷ Nhiều ví dụ khác được phát hiện, với đặc tính chung về những ghi nhận cho rằng quá khứ làm gương cho hiện tại. Năm 1537, khi [Hộ Bộ Thượng thư] Đường Trự phản đối ý định xâm lược An Nam của triều Minh, ông ghi nhận rằng sự sụp đổ của nhà Đường bắt đầu bằng một đoàn quân viễn chinh chiếm Nam Chiếu.⁸⁸⁽²⁴⁾ Gần một thế kỷ sau, khi viên Ngự sử [đạo Hồ Quảng] Du Phượng Tường thúc giục chống lại việc cho phép Hà Lan, lúc đó đã chiếm quần đảo Bành Hồ, ở lại,

ông ta cũng đưa ra một sự tương đồng với hoàn cảnh vào triều Tống, lúc cho phép người Mông Cổ lập thương điểm trên đất Trung Hoa dẫn đến sự giã tay của triều Tống ở phương nam.⁸⁹

Tuy nhiên, những trường hợp lịch sử trước đó không phải luôn luôn được xem xét như là một cơ sở để xác định một thức hành động. Năm 1440, khi các chính sách được đề xuất dựa trên các hành động của Nghiêu, Thuấn (Yao và Shun) (các vị vua của thời hoàng kim Trung Hoa), Anh quốc công Trương Phụ ghi nhận rằng: “Vào thời Nghiêu, Thuấn, hoàng đế chỉ cai trị chín châu. Giờ đây đất nước chúng ta đã thống nhất bốn biển và, bên cạnh người Trung Hoa, là người di, người man và người mạch, không có ai không thuận theo”.⁹⁰

Do đó, các hành động vẫn còn được hợp thức hóa bởi lịch sử khi mà những sự kiện lịch sử trước đó có sẵn, tư tưởng cho rằng sự qua đi của thời đại đã thay đổi thế giới cũng tạo ra một nền tảng trong việc sử dụng các chính sách không được kiểm nghiệm bởi lịch sử. Ở đây, lần nữa, chúng ta thấy một yếu tố rất thực dụng của chính sách biên giới/ngoại bang của Trung Hoa chỉ nằm bên dưới bề mặt của luận điểm viết sử.

(Còn tiếp)

G. Wade - L C K - P H Q

CHÚ THÍCH

11. Franke, *Dẫn nhập về các nguồn sử triều Minh*, p.19.
12. Một hệ thống phối hợp hai hệ thống số đếm - *Thiên can* (天干) (thập can) và *Địa chi* (地支) (thập nhị chi) để tạo thành công thức chu kỳ 60. Các phép hoán vị 60 này được áp dụng cho ngày, tháng và năm.
13. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 23, 2b-3a.
14. *Anh Tông thực lục*, quyển 163, 3a-b.
15. *Hiến Tông thực lục*, quyển 245, 4b; 246, 2a.
16. *Anh Tông thực lục*, quyển 230/31.
17. *Anh Tông thực lục*, quyển 294, 4a.
18. *Anh Tông thực lục*, quyển 298, 5a.
19. Franke, *Dẫn nhập về các nguồn sử triều Minh*, pp. 18-20.
20. Wu Han, 1948, pp. 385-89.
21. Franke, *Dẫn nhập về các nguồn sử triều Minh*, p. 19.
22. Sdd, p. 20.
23. Wang Ch'ung-wu, 1948.
24. Wu Han, 1934; O.W.Wolters, *Sự sụp đổ của Srivijaya trong lịch sử Mã Lai* (Ithaca, 1970).
25. L. Carrington Goodrich và Fang Chaoying, (biên tập), *Tự điển tiểu sử triều Minh* (2 quyển), Columbia, 1976, pp. 64-7.
26. Mote và Twitchett, *Lịch sử Trung Hoa theo Cambridge*, p. 743.
27. *Hiếu Tông thực lục*, quyển 73, 3a-b.
28. *Hiến Tông thực lục*, quyển 229, 4a.
29. *Võ Tông thực lục*, quyển 2, 19a.
30. Trích từ *Thái Bình huyện chí* (1811), 39a-b.
31. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 29, 4a.
32. *Anh Tông thực lục*, quyển 69, 7a-b.
33. *Anh Tông thực lục*, quyển 79, 11a.
34. *Anh Tông thực lục*, quyển 175, 8b.

35. *Anh Tông thực lục*, quyển 179, 7b-8a.
36. *Hiếu Tông thực lục*, quyển 148, 6b-9a.
37. *Anh Tông thực lục*, quyển 136, 5b-6a.
38. *Anh Tông thực lục*, quyển 143, 6b-7a.
39. *Anh Tông thực lục*, quyển 145, 4b-5a.
40. *Hiếu Tông thực lục*, quyển 195, 1b.
41. *Anh Tông thực lục*, quyển 190, 14b.
42. *Anh Tông thực lục*, quyển 192, 4a-b.
43. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 41, 2b.
44. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 79, 6b-7a.
45. *Thế Tông thực lục*, quyển 268, 3a-b.
46. *Thái Tông thực lục*, quyển 44, 5b-6b.
47. *Thái Tông thực lục*, quyển 34, 1a-b.
48. *Thái Tông thực lục*, quyển 53, 3b.
49. *Thái Tông thực lục*, quyển 86, 3a.
50. *Anh Tông thực lục*, quyển 43, 2b.
51. *Thái Tông thực lục*, quyển 80, 3b-4a.
52. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 33, 1a-b.
53. *Thế Tông thực lục*, quyển 248, 1b-5a.
54. *Anh Tông thực lục*, quyển 190, 12b-13a. Những tuyên bố như thế có thể thấy trong suốt lịch sử Trung Hoa, chính sự độ lượng giả tạo này là mục tiêu của ngòi bút của nhà văn thế kỷ 20 Lỗ Tấn khi, vào năm 1918, ông viết một truyện ngắn "Nhật ký người điên". Trong đó, mỗi khi người điên cố gắng đọc một quyển sách sử Trung Quốc, ông ta phát hiện: "Không có niên đại trong lịch sử, mà chỉ được chép lộn xộn và trang nào cũng có những từ "độ lượng", "chính nghĩa" và "đạo đức". Từ đó tôi đâm ra mất ngủ, tôi đọc cái thứ sử ấy hầu như suốt đêm, và sau rốt tôi bắt đầu phát hiện những điều được chép ra giữa hai dòng chữ; trọn quyển sách chỉ độc có một thành ngữ: ăn thịt dân!". Lỗ Tấn qua đó đã làm sáng tỏ luận điểm chép sử Trung Hoa thường làm tăm tối như thế nào về một thực tế bị tách khỏi những lý tưởng nhân văn mà nó nhắm đến.
55. *Thái Tông thực lục*, quyển 82, 7b-8a.
56. *Thái Tông thực lục*, quyển 183, 1a-2a.
57. *Thái Tông thực lục*, quyển 72, 1a-b.
58. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 22, 15a.
59. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 76, 6b, *Anh Tông thực lục*, quyển 19, 9a; 104, 3b-4a, 142; 7b-8a; 319, 4b.
60. *Thế Tông thực lục*, quyển 268, 3a-b.
61. *Hiến Tông thực lục*, quyển 219, 6a-7b; 230, 3b-4a.
62. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 40, 3a-4a.
63. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 52, 10b-11b.
64. *Anh Tông thực lục*, quyển 46, 6a-b.
65. *Thái Tông thực lục*, quyển 57, 2b-3a.
66. *Thái Tổ thực lục*, quyển 244, 2b-4a.
67. *Thái Tông thực lục*, quyển 149, 2b.
68. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 76, 6b-7a.
69. *Hiến Tông thực lục*, quyển 108, 3b-4a.
70. *Thái Tông thực lục*, quyển 44, 5b-6b.
71. *Thái Tông thực lục*, quyển 130, 1b-2a.
72. *Thế Tông thực lục*, quyển 4, 27b.
73. *Thế Tông thực lục*, quyển 220, 9a-b.
74. *Thái Tông thực lục*, quyển 114, 4a-b.
75. *Anh Tông thực lục*, quyển 241, 4b-5a.

76. *Anh Tông thực lục*, quyển 265, 2a-b.
77. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 33, 1a-b.
78. S. J. Tambiah, *Kể chinh phục thế giới, kể từ bỏ thế giới*, Cambridge, 1976, pp. 46-7.
79. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 43, 8a-10b.
80. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 57, 7b-8a.
81. Charles Backus, *Vương quốc Nan-chao và biên giới phía nam Trung Hoa thời Đường*, Cambridge, 1981, p. 115.
82. *Tuyên Tông thực lục*, quyển 43, 14b.
83. *Anh Tông thực lục*, quyển 67, 6a.
84. *Anh Tông thực lục*, quyển 279, 1a.
85. *Hiến Tông thực lục*, quyển 217, 4a.
86. *Thái Tổ thực lục*, quyển 244, 2b-4a.
87. *Anh Tông thực lục*, quyển 164, 1a-b.
88. *Thế Tông thực lục*, quyển 195, 2a.
89. *Hy Tông thực lục*, quyển 37, 19a-20a.
90. *Anh Tông thực lục*, quyển 75, 4a-5a.

CHÚ THÍCH BỔ SUNG

- (7) Sự kiện này được chép trong ngày 5 tháng 12 năm Tuyên Đức thứ nhất (2/1/1427). Lúc này, Tri châu Thanh Hóa là La Thông, cùng với Chỉ huy Đả Trung không chịu nghe lệnh bãi binh của Vương Thông, cả hai hợp sức cố thủ thành Thanh Hóa. Cuối văn bản viết: "*Khi Vương Thông bỏ Giao Chỉ, bọn La Thông cũng trở về kinh đô*".
- (8) Tai Mao [Thái-Mao] 傜毛, thuật ngữ này được G. Wade dùng để gọi chung 2 bộ tộc Thái và Mao Nam. Thái, xem lại chú thích (4); tộc Mao Nam nay sống tập trung ở huyện tự trị Hoàn Giang, thuộc Quảng Tây Trắng tộc tự trị khu.
- (9) Từ Càn Học (1631-1694), học giả đời Thanh, người huyện Côn Sơn, Giang Tô, làm quan đến Hình Bộ Thượng thư, Tổng toản (Trưởng biên tập) *Thanh nhất thống chí*, *Thanh hội điển*. Chi tiết này Wade nhầm, Từ Càn Học tuy có lúc được cử làm Tổng tài quán *Minh sử* nhưng sau đó Trương Đình Ngọc thay thế, và tác giả [Tổng tài] chính thức được ghi của *Minh sử* là Trương Đình Ngọc [cùng với 2 người tiền nhiệm là Trương Ngọc Thư, Vương Hồng Tự].
- (10) Tiêu Phương, người huyện Bá Dương tỉnh Hà Nam, làm quan đến Lại Bộ Thượng thư, Hoa Cái điện Đại học sĩ. Tổng tài *Hiếu Tông thực lục* (cùng với Lưu Kiện).
- (11) Cố Bình Khiêm, người Côn Sơn, Tô Châu, làm quan đến Lễ Bộ Thượng thư, Trung Cự điện Đại học sĩ, Tổng tài *Thần Tông thực lục*.
- (12) Tổng đốc Lương Quảng Đô ngự sử Mẫn Khuê tâu việc thuyền buôn ngoại quốc giao thiệp buôn bán với tư thương người Trung Quốc ở ven biển Quảng Đông mà không qua sự kiểm duyệt của quan địa phương (một hình thức trốn thuế).v.v...
- (13) Cấp sự trung Nhiệm Lương Bất bàn việc thỉnh phong của Sa Cổ Bốc Lặc làm Quốc vương Chiêm Thành (tháng 7/1505), nêu kiến nghị cần phải cân nhắc việc cho sứ đi phong vương các nước, e ngại lặp lại sự kiện đáng hổ thẹn mà Lâm Tiêu đã gặp phải.
- (14) Văn bản ngày 13 tháng 7 năm Tuyên Đức 13 (5/8/1427) nêu việc bắt giam Cố Hưng Tổ. Sự vụ do Tuần án ngự sử Quảng Tây phát hiện Tổ báo cáo láo và những nhiều nơi biên giới, đại khái như Hưng Tổ sai bọn Chỉ huy Trương Bản giả mạo việc quân để đoạt hơn 2.500 lượng bạc và 100 con ngựa của các quan và dân ở Nam Ninh, Thái Bình, lại thêm cưỡng bách con gái nhà dân.v.v...
- (15) Vương Ký, Binh Bộ Thượng thư, Tổng đốc quân vụ trong nhiều cuộc chinh thảo các tù trưởng vùng Vân Nam thời Tuyên Đức, Chính Thống.
- (16) Trong văn bản ngày 12 tháng 6 Vĩnh Lạc 6 [5/7/1408] về việc Thượng thư 6 bộ cùng Trương Phụ báo công binh định An Nam, nộp bản kê biên chiến lợi phẩm, việc thiết lập các cơ quan quản lý đất đai, nhân dân, tài vật ở An Nam.
- (17) Trích trong chiếu thư phủ dụ An Nam và sắc dụ Đầu mục Giao Chỉ Lê Lợi do Tả Thị lang Bộ Lễ Lý Kỳ và Hữu Thị lang Bộ Công La Nhữ Kinh cùng bọn Hoàng Ký, Từ Vĩnh Đạt mang sang ngày 1 tháng 11 năm Tuyên Đức thứ 2 (19/11/1427). Một phần nội dung chiếu thư kêu

gọi bọn Vương Thông rút quân trở về, tuy nhiên Vương Thông đã bỏ chạy về đến Quảng Tây từ trước khi chiếu thư đến.

- (18) Trong chiếu thư phong An Nam Đô thống sứ ty cho Mạc Đăng Dung [4/4 Gia Tĩnh 20 - 29/4/1541] Gia Tĩnh nhắc lại chuyện cũ, khi nói đến sự kiện bại trận thời Tuyên Đức thì cho rằng do chủ trương không muốn kéo dài cuộc chiến...
- (19) Trích từ biểu văn của Trần Cảo và Lê Lợi do Lê Thiếu Dĩnh mang sang Yên Kinh (Bắc Kinh) ngày 15/3 Tuyên Đức 3 (30/3/1428), xin phong cho Trần Cảo.
- (20) Sự việc nêu trong sắc dụ Quốc vương An Nam, nội dung khuyên không nên xâm lấn lãnh thổ Chiêm Thành (ngày 13/9 năm Thành Hóa thứ 8 - 14/10/1472) do sứ thần An Nam Nguyễn Đức Trinh đi sứ mang về.
- (21) Văn bản ngày 20 tháng 5 năm Tuyên Đức thứ 3 [2/7/1428] nói về việc truy tặng những người tử tiết tại Giao Chỉ, nêu chiến công và hành trạng các nhân vật như Hà Trung, làm việc tại Ty Bố chánh Giao Chỉ, bị bắt ở Xương Giang, mắng chửi liên hồi, rồi bị giết. Lưu Tử Phụ, Tri phủ Lạng Giang, tự tử khi thành bị mất. Chu An, Trấn thủ Nghệ An, bị bắt ở sông Phú Lương, bị bỏ ngục rồi ngấm mưu làm nội ứng, Lê Lợi phát giác được, đem giết, khi sắp bị chém thì giật dao tự đâm cổ chết...
- (22) Trần Hiệp, người Vũ Tiến, Thường Châu, Binh Bộ Thượng thư, 2 lần sang An Nam với chức vụ Tổng tham mưu, bị đâm chết trong đám loạn quân trong trận Tốt Động, Chúc Động, có thuyết nói bị bắt rồi bị giết.
- (23) Lý Nhiệm (Nhậm), trấn thủ Xương Giang. Đô đốc Thái Phúc đầu hàng Lê Lợi, nhận mệnh đi chiêu dụ Lý Nhiệm, bị Nhiệm chửi. Sau này Thái Phúc về đến Yên Kinh, cùng với bọn Chu Quảng, Tiết Tự, Vu Tấn, Lỗ Quý, Lý Trung bị công đồng xét tội, án xử tử phơi thây ngoài chợ, tịch thu gia sản.
- (24) Văn bản ngày 1 tháng 12 năm Gia Tĩnh 15 (12/1/1537) chép lại tờ sớ của Tả Thị lang Bộ Hộ Đường Trữ, nội dung can gián việc đánh An Nam, gồm 7 điều, phân tích cặn kẽ tình hình kinh tế, quân sự nhà Minh và kết luận rằng không đủ điều kiện để tiến hành cuộc chiến. Khi sớ dâng lên, Bộ Binh khen là bàn mưu với lòng trung thành, đề nghị hoãn việc điều động quân lực.

TÓM TẮT

Bài viết là một nghiên cứu tổng quan của tác giả Geoff Wade về nguồn sử liệu Đông Nam Á trong bộ *Minh thực lục*. Sau khi điểm qua nội dung, các ấn bản, sưu tập các sách trích dẫn *Minh thực lục*, các đặc trưng của *Minh thực lục* như là một nguồn sử liệu, tác giả đã phân tích về thể giới quan Trung Hoa thể hiện qua bộ *Minh thực lục*. Mặc dù thừa nhận *Minh thực lục* giữ một vai trò quan trọng trong việc tái dựng lịch sử xã hội, chính trị nhà Minh và mang lại những bổ khuyết hữu ích cho việc nghiên cứu lịch sử vùng Đông Nam Á, tác giả đã lưu ý người đọc cần ý thức rằng, luận điểm Trung Hoa (và cũng là khuôn khổ của cách chép sử trong *Minh thực lục*) phản ánh “cái mà nhà Minh muốn nó phải là” hơn là cái mà nhà Minh đã là.

ABSTRACT

THE MING SHI-LU AS A SOURCE OF DATA FOR SOUTHEAST ASIAN HISTORY

This article is Geoff Wade's general study on the source of historical data regarding Southeast Asia found in the book *Ming Shi-lu*. After giving a sketchy description of the contents of the book, its editions, the number of books quoting the *Ming Shi-lu* and using its typical characteristics as a source of historical documents, the author gives an analysis on the Chinese world outlook as represented through the *Ming Shi-lu*. Though he admits that *Ming Shi-lu* plays an important part in an effort to recreate the history, society and politics of the Ming dynasty and it provides helpful data supplement to a study on the history of the Southeast Asia, the author advises readers to be aware of the fact that the Chinese point of view (also the writing method of *Ming Shi-lu*) reflects “what the Ming dynasty wanted it to be” rather than what it actually was.